

ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON THEO CHUẨN ĐẦU RA Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Hồ Thị Dung¹

TÓM TẮT

Đánh giá chương trình đào tạo giáo viên mầm non là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên trong nhà trường, việc đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non (GDMN) theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sẽ giúp các nhà quản lý thấy được điểm mạnh và những hạn chế, khó khăn còn tồn tại của chương trình làm cơ sở đề xuất, kiến nghị nhằm cải tiến, hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, đồng thời sinh viên sau khi tốt nghiệp thích ứng với những đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Với mục đích đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát một số cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức và cán bộ quản lý một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa về mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; hoạt động tuyển sinh; cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo ngành đại học GDMN trong những năm gần đây tại Trường Đại học Hồng Đức.

Từ khóa: *Đánh giá, chương trình, chương trình đào tạo, giáo viên mầm non, chuẩn đầu ra.*

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.72.5.2025.692>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu, chuẩn đầu ra đối với ngành học, trong đó chuẩn đầu ra phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội và mục tiêu của giáo dục đại học [1]. Sứ mệnh của Trường Đại học Hồng Đức là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Khoa GDMN Trường Đại học Hồng Đức, trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, đã có bề dày truyền thống và kinh nghiệm trong đào tạo giáo viên ngành học mầm non, cung cấp nguồn nhân lực cho các trường mầm non trong và ngoài tỉnh. Trong quá trình đào tạo, khoa luôn chú trọng điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra, đổi mới công tác thực hành, kiến tập, thực tập, tổ chức rèn nghề thường xuyên cho sinh viên ngay từ

¹ Phòng Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức;
Email: hothidung@hdu.edu.vn

năm đầu học tập tại Trường Đại học Hồng Đức. Việc khảo sát và đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non là công việc thường xuyên, là khâu quan trọng nhằm cung cấp những căn cứ thực tiễn có giá trị cho quá trình phát triển chương trình đào tạo (CTĐT), đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Thực tế, chương trình đào tạo ngành GDMN trình độ Đại học Trường Đại học Hồng Đức đã được chỉnh sửa, hoàn thiện qua nhiều lần và cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, trước những yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung, GDMN nói riêng, đối chiếu với những năng lực, phẩm chất của người giáo viên mầm non hiện nay thì CTĐT cần phải tiếp tục điều chỉnh, cập nhật kịp thời những vấn đề đổi mới của GDMN theo hướng giảm kiến thức hàn lâm, tăng thời lượng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT.

Bài viết đi sâu phân tích, đánh giá chương trình giáo dục mầm non theo chuẩn đầu ra ở Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở lấy ý kiến của các nhà quản lý, giảng viên, các đơn vị sử dụng lao động ở một số cơ sở giáo dục mầm non và một số sinh viên, cựu sinh viên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Việc tìm hiểu, đánh giá đúng thực trạng chương trình đào tạo giáo viên mầm non hiện nay sẽ giúp các nhà quản lý có những cơ sở thực tiễn, tìm ra những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại của chương trình đào tạo hiện hành, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời chương trình đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thực tiễn địa phương và đất nước.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá chương trình giáo dục mầm non ở Trường Đại học Hồng Đức giai đoạn 2021 - 2025 làm cơ sở, căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non theo chuẩn đầu ra.

2.2. Đối tượng khảo sát

Chúng tôi tiến hành khảo sát: 20 cán bộ quản lý, giảng viên Trường Đại học Hồng Đức; 20 cán bộ quản lý trường mầm non; 100 sinh viên thuộc ngành GDMN (K24, K25, K26) và 40 cựu sinh viên ngành GDMN.

2.3. Phương pháp khảo sát

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi đối với cán bộ quản lý một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và một số giảng viên tham gia đào tạo sinh viên ngành GDMN, sinh viên và cựu sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức.

2.4. Chuẩn và thang đánh giá

2.4.1. Chuẩn cho điểm

Câu hỏi 4 mức độ trả lời, cho điểm theo các mức:

Mức 1: Tốt, Rất phù hợp: 4 điểm.

Mức 2: Khá, Phù hợp: 3 điểm.

Mức 3: Trung bình, Ít phù hợp: 2 điểm.

Mức 4: Yếu, Không phù hợp: 1 điểm.

2.4.2. Thang đánh giá

Câu hỏi 4 mức độ trả lời, cho điểm theo các mức:

Mức 1: Tốt, Rất phù hợp

Mức 2: Khá, Phù hợp

Mức 3: Trung bình, Ít phù hợp

Mức 4: Yếu, Không phù hợp

* Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (4 - 1)/4 = 0.75

Mức 1: 3,26 - 4,00: Tốt, Rất phù hợp

Mức 2 : 2,51 - 3,25: Khá, Phù hợp

Mức 3: 1,76 - 2,50: Trung bình, Ít phù hợp

Mức 4: 1,00 - 1,75: Yếu, Không phù hợp

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non

Tìm hiểu nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 40 cán bộ quản lý, giảng viên và 140 sinh viên và cựu sinh viên, kết quả thu được như sau:

Bảng 1. Đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non

Mục tiêu	Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên					Đánh giá của sinh viên và cựu sinh viên				
	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp	$\bar{X}$	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp	$\bar{X}$
Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học	32	8	0	0	3,8	102	25	10	3	3,6
Mục tiêu của chương trình đào tạo gắn với nhu cầu người học	4	6	16	14	2,0	40	60	37	3	2,9
Mục tiêu của chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực.	18	12	8	2	3,1	62	51	25	2	3,2
Mục tiêu chương trình đào tạo được xác định theo đúng mục tiêu giáo dục	16	14	7	3	3,0	73	31	16	20	3,1
Chuẩn đầu ra học phần thể hiện mức độ đóng góp của HP vào việc đạt KQHT mong đợi của chương trình ĐT	21	15	3	1	3,4	75	35	22	8	3,3
$\bar{X}$	3,09					3,22				

Từ kết quả bảng 1 cho thấy, điểm trung bình giữa 2 nhóm đối tượng khảo sát đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non thống nhất cao ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 3,09; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,22) đạt mức 2: Phù hợp. Trong đó, đánh giá của nhóm cán bộ quản lý, giảng viên và nhóm sinh viên, cựu sinh viên đều thống nhất lựa chọn các nội dung sau được đánh giá rất phù hợp, cụ thể:

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn $\bar{X}$ của cơ sở giáo dục đại học. ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 3,8; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,6).

Chuẩn đầu ra của từng học phần thể hiện mức độ đóng góp vào việc đạt KQHT mong đợi của CTĐT ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên: 3,4; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,3).

Ngoài 2 nội dung trên được các khách thể khảo sát đánh giá cao sự phù hợp, các nội dung còn lại mặc dù các khách thể đánh giá thấp hơn, song hầu hết đều ở mức 2: Phù hợp, duy chỉ có 1 nội dung đánh giá đạt mức độ phù hợp nhưng thấp hơn cả đó là nội dung: Mục tiêu của chương trình đào tạo gắn với nhu cầu người học ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên: 2,0; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 2,9), trong đó đánh giá của sinh viên cao hơn so với đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên. Chúng tôi nhận thấy đánh giá của cán bộ quản lý và giảng viên phù hợp hơn đánh giá của cựu sinh viên và sinh viên bởi vì việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non phải đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN hiện nay. Các giảng viên phải có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN, có kỹ năng tự bồi dưỡng không phải dựa trên nhu cầu, mong muốn của người học.

3.2. Thực trạng hoạt động tuyển sinh ngành Đại học Giáo dục Mầm non

Tìm hiểu thực trạng hoạt động tuyển sinh ngành Đại học Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi đã tiến hành khảo sát giảng viên và cán bộ quản lý kết quả thu được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Hoạt động tuyển sinh ngành Đại học Giáo dục Mầm non

Tuyển sinh	Mức độ				$\bar{X}$	Thứ bậc
	Tốt	Khá	Trung bình	Kém		
Khảo sát nhu cầu nhân lực trước khi tuyển sinh	34	3	3		3,78	5
Xác định chỉ tiêu đúng theo qui định	36	4	0	0	3,9	2
Lập kế hoạch tuyển sinh	36	3	1	0	3,88	3
Tổ chức tuyên truyền tuyển sinh	35	2	3	0	3,8	4
Tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của nhà trường	38	2	0	0	3,95	1
Tổng kết tuyển sinh hàng năm	32	6	2	0	3,75	6
$\bar{X}$	3,84					

Từ kết quả bảng 2 cho thấy, tất cả các nội dung tại bảng 2 đã được Khoa chủ động triển khai đúng kế hoạch và đều được các khách thể đánh giá đạt mức tốt. Trên cơ sở kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, Khoa đã lập kế hoạch tuyển sinh bao gồm: Chỉ tiêu tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, các phương thức xét tuyển... Khoa tổ chức tuyên truyền tuyển sinh

ngành đại học GDMN thông qua nhiều hình thức như: Đăng thông tin trên trang web của Khoa; thành lập tổ tư vấn tuyển sinh; tuyên truyền qua Facebook, Fanpage; gửi thông báo tuyển sinh cho các trường THPT trên địa bàn tỉnh, các trường mầm non... Các thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh, các mốc thời gian về nhận hồ sơ đăng ký, xét tuyển, điểm chuẩn,... đã được Khoa cập nhật thường xuyên... Do vậy, kết quả tuyển sinh ngành Đại học Giáo dục Mầm non tính từ năm 2021 trở lại đây đều đạt kết quả khá tốt, điểm chuẩn của sinh viên đạt khá cao, điều này được thể hiện trong bảng 3.

Tuy nhiên, từ khi Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên sư phạm 3.630.000 đồng/tháng trong thời gian học tập học tập tại trường, chính phủ đã giao cho các địa phương xác định nhu cầu tuyển dụng và đào tạo giảng viên tại địa phương của từng trình độ, cấp học để giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, kinh phí hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên sư phạm do Ủy ban Nhân dân các tỉnh chịu trách nhiệm. Xét về trình độ, năng lực đội ngũ giảng viên đủ đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực giáo viên mầm non trong nhiều năm qua, tuy nhiên do nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 116 chi trả cho sinh viên sư phạm rất lớn, nên từ năm 2023 đến nay chỉ tiêu đặt hàng đào tạo sinh viên các ngành sư phạm, trong đó có ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Hồng Đức được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt đã giảm nhiều so với nhu cầu đội ngũ giảng viên mầm non hiện nay ở các trường mầm non. Nhận định trên được thể hiện trong bảng tổng hợp 3.

Bảng 3. Kết quả tuyển sinh ngành Đại học Giáo dục Mầm non hệ chính qui ở Trường Đại học Hồng Đức trong 5 năm gần đây

TT	Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số lượng trúng tuyển	
		Đại học	Cao đẳng	Đại học	Cao đẳng
1	2019 - 2020	150	50	70	88
2	2020 - 2021	240	50	205	42
3	2021 - 2022	300	50	253	36
4	2022 - 2023	233		200	
5	2023 - 2024	30		30	

Số liệu tổng hợp tuyển sinh trong báo cáo số [4][5][6][7]

3.3. Thực trạng cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra

3.3.1. Thực trạng cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra

Tìm hiểu thực trạng cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra tại Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi đã tiến hành khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý của 12 trường mầm non, kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra

Cấu trúc	Mức độ				$\bar{X}$	Thứ bậc
	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp		
Cấu trúc chương trình đảm bảo cân đối giữa khối kiến thức đại cương và kiến thức ngành	9	26	4	1	3,08	4

Tỉ lệ phân bố giữa số tiết lý thuyết và thực hành giữa các môn học	22	14	2	2	3,4	2
Số lượng các môn tự chọn đảm bảo tỷ lệ qui định của Nhà trường.	28	10	1	1	3,6	1
Thời gian kiểm tra sự phạm, thực tập sự phạm của sinh viên	15	21	1	3	3,2	3
$\overline{X}$	3,32					

Từ kết quả bảng 4 cho thấy, điểm trung bình các nội dung đạt 3,32, điều này cho thấy cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra được các khách thể đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, đánh giá giữa các nội dung có sự chênh lệch, cụ thể: Cán bộ quản lý và giảng viên đánh giá các nội dung sau thực hiện tốt hơn cả đó là: “*Cấu trúc CTĐT ngành Giáo dục Mầm non đảm bảo số lượng các môn tự chọn theo đúng qui định của nhà trường*” với $X = 3,6$, TB: 1; “*Tỷ lệ phân bố số tiết lý thuyết và thực hành của các môn học*” là hợp lý với $X = 3,4$, TB: 2. Quan sát thực tế chúng tôi nhận thấy các nhận định trên hoàn toàn đúng, bởi vì CTĐT ngành Đại học Giáo dục Mầm non được chỉnh sửa năm 2022, 2023, 2024 dựa trên các văn bản qui định về xây dựng/chỉnh sửa CTĐT hàng năm của Bộ Giáo dục Đào tạo và của Nhà trường như: Thông tư 17/TT-BGD&ĐT [1]; Quyết định số 978/QĐ-ĐHHD ngày 16/5/2022 [4]; Quyết định số 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức [5]; Kế hoạch số 42/KH - ĐHHD ngày 22/2/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 2373/QĐ-ĐHHD ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc ban hành khung CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức [6]... trong đó tỷ lệ các môn tự chọn đạt tối thiểu 20% CTĐT. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của CTĐT, Khoa đã lược bỏ một số học phần có sự trùng lặp, không còn phù hợp, bổ sung một số học phần mới; chỉ đạo các bộ môn rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra một số học phần, điều chỉnh số tiết lý thuyết, thảo luận, thực hành một số học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT, đảm bảo CTĐT theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Thực tế, CTĐT ngành Đại học Giáo dục Mầm non năm 2021, 2023 số tín chỉ các môn tự chọn là 26/128 (chiếm 20,3 %); CTĐT bậc đại học ở Trường Đại học Hồng Đức năm 2024 số tín chỉ các môn tự chọn là 28/132 (chiếm 21,2 %).

Tuy nhiên, nội dung: “*Cấu trúc chương trình đảm bảo cân đối giữa khối kiến thức đại cương và kiến thức ngành*” được các khách thể đánh giá mức thấp nhất $X = 3,08$, TB: 4; tiếp theo là nội dung: “*Thời gian kiến tập sự phạm, thực tập sự phạm của sinh viên*” với $X = 3,2$, trung bình: 3. Nghiên cứu các văn bản của nhà trường ban hành việc chỉnh sửa CTĐT trong những năm gần đây, kết hợp phỏng vấn một số cán bộ quản lý để làm rõ kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận được câu trả lời: Hai nội dung trên được đánh giá mức độ phù hợp thấp hơn cả là do trường đã ban hành một số văn bản qui định số lượng môn bắt buộc tương đối nhiều, trong đó tỷ lệ các môn thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc là khá cao. Các môn kiến thức Giáo dục đại cương trong CTĐT Giáo dục Mầm non năm 2023 có 43 tín chỉ/128 tín chỉ, chiếm 33,59%; CTĐT Giáo dục Mầm non 2024 khối kiến thức đại cương là 46 tín chỉ/132 tín chỉ, chiếm 34,8%. Với tỷ lệ khối kiến thức đại cương chiếm hơn 1/3 CTĐT hiện nay,

CTĐT ngành Giáo dục Mầm non chưa khắc phục được những khuyến nghị của các chuyên gia đánh giá CTĐT ngành Đại học Giáo dục Mầm non năm 2021 là cần giảm khối kiến thức đại cương, tăng thời lượng kiến thức nghề nghiệp.

Ngoài ra, tổng số tín chỉ dành cho kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm là 7 tín chỉ/128 tín chỉ, chiếm 5,4% trong tất cả các CTĐT trong những năm gần đây, cho thấy chưa thực sự phù hợp với CTĐT theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp. Trong những năm vừa qua, Khoa cũng đã lấy ý kiến đánh giá CTĐT ngành Đại học Giáo dục Mầm non ở 2 đối tượng: nhà sử dụng lao động tại các cơ sở giáo dục mầm non và sinh viên ngành Đại học Giáo dục Mầm non. Hầu hết các khách thể đều đề xuất cần tăng thời lượng đưa sinh viên xuống các cơ sở Giáo dục Mầm non thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay số tín chỉ qui định cho kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm vẫn chưa thay đổi. Chúng tôi thiết nghĩ việc tăng thời gian kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm là hợp lý, giúp sinh viên có nhiều thời gian trải nghiệm nghề, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp của bản thân, tạo sự tự tin và thuận lợi tìm kiếm nhiều cơ hội việc làm sau khi ra trường.

3.3.2. Thực trạng nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra

Tìm hiểu thực trạng nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra, tại Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi đã tiến hành khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý, kết quả thu được như sau:

Bảng 5. Nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo chuẩn đầu ra

Nội dung	Mức độ				$\bar{X}$	Thứ bậc
	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp		
Nội dung CTĐT xây dựng/chỉnh sửa trên cơ sở so sánh với CTĐT của các trường trọng điểm trong nước và quốc tế có đào tạo giáo viên mầm non	16	18	4	2	3,2	5
Nội dung CTĐT gắn với chuẩn đầu ra của sinh viên	21	15	4	0	3,4	3
Nội dung các học phần thuộc khối kiến thức đại cương phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Nhà trường	10	26	3	1	3,1	7
Nội dung các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành phù hợp, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT	13	26	1	0	3,3	4
Nội dung các học phần thuộc khối kiến thức ngành phù hợp, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT	25	14	1	0	3,6	1
Thời gian kiến tập sư phạm, thực tế, thực tập sư phạm	12	17	10	1	3,0	8
Nội dung CTĐT tập trung phát triển kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên	18	15	6	1	3,25	6
Nội dung CTĐT được đánh giá, cải tiến và điều chỉnh phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực tiễn giáo viên mầm non	22	14	4	0	3,45	2
$\bar{X}$	3,29					

Từ kết quả bảng bảng 5 cho thấy, điểm trung bình giữa các nội dung là 3,29 đạt mức 1 - Rất phù hợp, điều này cho thấy nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT. Trong 8 nội dung trên, có 5 nội dung điểm trung bình $> 3,25$, có 3 nội dung $< 3,25$, trong đó một số nội dung sau được đánh giá rất phù hợp với tỷ lệ cao như:

Nội dung các học phần thuộc khối kiến thức ngành phù hợp, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ($\bar{X} = 3,6$; TB: 1).

Nội dung CTĐT được đánh giá, cải tiến, điều chỉnh phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với thực tiễn giáo dục mầm non ($\bar{X} = 3,45$; TB: 2).

Nội dung CTĐT gần với chuẩn đầu ra của sinh viên ($\bar{X} = 3,45$; TB: 3).

Nội dung các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành phù hợp, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ($\bar{X} = 3,3$; TB: 4).

Ngoài ra, một số nội dung các khách thể điều tra đánh giá CTĐT phù hợp song kết quả không cao, đó là: “*Nội dung các học phần thuộc khối kiến thức đại cương phù hợp với qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qui định của Nhà trường*” với ($\bar{X} = 3,1$; TB: 7);

“*Thời gian kiến tập sư phạm, thực tế, thực tập sư phạm* với ($\bar{X} = 3,0$; TB: 8). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với bảng 4.

3.4. Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo

Tìm hiểu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi đã tiến hành khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý một số trường mầm non, kết quả thu được như sau:

Bảng 6. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo

Điều kiện	Đánh giá của cán bộ quản lý và giảng viên				$\bar{X}$	Đánh giá của sinh viên và cựu sinh viên				$\bar{X}$
	Tốt	Khá	TB	Kém		Tốt	Khá	TB	Kém	
Cảnh quan, môi trường giáo dục	25	15	0	0	3,6	112	28	0	0	3,8
Phòng học	8	24	8	0	3,0	65	50	25	0	3,28
Trang thiết bị phục vụ dạy học	10	10	15	5	2,63	54	56	25	5	3,14
Giáo trình	12	20	6	2	3,05	31	72	27	10	2,89
Thư viện, các phòng chức năng của thư viện phục vụ sinh viên	15	15	10	0	3,13	46	84	10	0	3,26
Các cơ sở kiến tập sư phạm, thực tế, thực tập sư phạm	23	17	0	0	3,58	57	67	16	0	3,29
Hội trường phục vụ các hoạt động sinh hoạt tập thể.	10	15	12	3	2,8	54	68	13	5	3,22
Điều kiện làm việc cho giáo viên và giáo viên thỉnh giảng	8	21	8	3	2,85	54	75	11	0	3,3
Hệ thống internet phục vụ dạy - học	8	9	16	7	2,45	33	44	58	5	2,75

Không gian tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	10	18	9	3	2,88	45	67	28	0	3,12
Các điều kiện rèn luyện sức khỏe	7	12	11	10	2,4	21	49	58	12	2,56
Điều kiện sinh hoạt (ăn, ở) của sinh viên	11	11	15	3	2,75	48	72	16	4	3,17
$\bar{X}$	2,93					3,15				

Nhận xét: Từ kết quả bảng 6 cho thấy: Điểm trung bình giữa 2 nhóm đối tượng khảo sát đánh giá điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo thống nhất cao ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 2,93; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,15) đạt mức 2: Khá, trong đó:

Các khách thể khảo sát đều thống nhất các nội dung sau tốt hơn cả đó là:

Cảnh quan, môi trường giáo dục ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 3,6; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,8).

Các cơ sở kiến tập sư phạm, thực tế, thực tập sư phạm ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên: 3,58; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,29).

Các nội dung trên được khách thể điều tra đánh giá tốt, đạt mức 1. Quan sát thực tiễn chúng tôi nhận thấy đánh giá trên hoàn toàn phù hợp với thực tiễn: Cảnh quan, môi trường nhà trường luôn sạch sẽ, thoáng, đẹp; các cơ sở kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, thực tế là những cơ sở giáo dục có uy tín, có nhiều kinh nghiệm hướng dẫn cho sinh viên rèn nghề, điều kiện đi lại thuận lợi. Điều này đã tạo cho sinh viên cảm thấy tự tin, phấn khởi và yên tâm với ngành nghề lựa chọn tại ngôi trường này.

Các điều kiện còn lại đều được các khách thể khảo sát đánh giá chưa tốt, trong đó phải kể đến:

Trang thiết bị phục vụ dạy học ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 2,63; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 3,14).

Giáo trình ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 3,05; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 2,89).

Hệ thống internet phục vụ dạy - học ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 2,45; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 2,75).

Các điều kiện rèn luyện sức khỏe ($\bar{X}$ cán bộ quản lý, giảng viên : 2,4; $\bar{X}$ sinh viên, cựu sinh viên: 2,56).

Để nâng cao chất lượng phục vụ người học, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến giảng viên và sinh viên đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị. Kết quả cho thấy: mặc dù đã được Nhà trường thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các thiết bị, song do nhiều thiết bị đã cũ, Nhà trường chưa có điều kiện thay mới nên đôi khi còn gây gián đoạn quá trình dạy và học. Công tác phối hợp giữa quản lý đào tạo và quá trình giảng dạy nhiều khi chưa được liên tục, giảng viên và phòng Quản lý Đào tạo thường chỉ liên hệ với nhau nếu có vấn đề phát sinh trong giảng dạy và quản lý, hoặc khi bắt đầu/kết thúc kỳ học, mà chưa có sự trao đổi thường xuyên về năng lực và thái độ học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo.

4. KẾT LUẬN

Trường Đại học Hồng Đức là một trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và nghiên cứu khoa học có uy tín trên cả nước. Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng phát triển đào tạo, lấy chất lượng là thước đo uy tín trong đào tạo.

Chuẩn đầu ra CTĐT được xây dựng đưa ra kiến thức, kỹ năng, thái độ cụ thể mà sinh viên đạt được sau khi hoàn thành khóa học. Điều này giúp việc đánh giá và nhận diện được thuận lợi, rõ ràng hơn. Dựa trên kết quả nghiên cứu, chương trình giáo dục mầm non tiếp tục cập nhật các văn bản chỉnh sửa tên và nội dung các học phần, tập trung hoàn thiện các điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên mầm non theo chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư 17/2021/TT-BGD* ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn chương trình ĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non (Kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/04/2021, Ban hành chương trình giáo dục mầm non)*.
- [3] Chính phủ (2011), *Quyết định số 641/QĐ-TTG* về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.
- [4] Trường Đại học Hồng Đức (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2020, số 102/BC-ĐHHD* ngày 15/12/2020.
- [5] Trường Đại học Hồng Đức (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2021, số 133/BC-ĐHHD* ngày 30/12/2021.
- [6] Trường Đại học Hồng Đức (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022, số 136/BC-ĐHHD* ngày 23/12/2022.
- [7] Trường Đại học Hồng Đức (2023), *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2023, số 181/BC-ĐHHD* ngày 25/12/2023.
- [8] Trường Đại học Hồng Đức (2022), *Quyết định số 978/QĐ-ĐHHD* ngày 16/5/2022 về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức.
- [9] Trường Đại học Hồng Đức (2023), *Quyết định số 847/QĐ-ĐHHD* ngày 17/4/2023 về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức.
- [10] Trường Đại học Hồng Đức (2024), *Quyết định 2373/QĐ-ĐHHD* ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc ban hành khung CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức.

EVALUATING THE PRESCHOOL TEACHER TRAINING PROGRAM BASED ON THE OUTPUT STANDARDS AT HONG DUC UNIVERSITY

Ho Thi Dung

ABSTRACT

Evaluating the early childhood education teacher training program is a crucial and regular task within educational institutions. Evaluating the program based on its learning outcomes helps administrators identify its strengths, as well as its limitations and challenges, providing a foundation for proposing improvements to align the program with its intended outcomes. This ensures that graduates can adapt to current innovations in early childhood education. With this purpose, the study surveyed administrators, lecturers, students, alumni of the Early Childhood Education Faculty at Hong Duc University, and administrators from several kindergartens in Thanh Hoa Province. The survey focused on the program's objectives and learning outcomes, admission activities, the structure and content of the training program, as well as the facilities and equipment supporting the undergraduate early childhood education program at Hong Duc University in recent years.

Keywords: *Evaluation, program, training program, preschool teachers, output standards.*

** Ngày nộp bài: 27/11/2024; Ngày gửi phản biện: 28/11/2024; Ngày duyệt đăng: 26/5/2025*